

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số
năm học 2024-2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT SỐ 1 ĐỨC PHỐ

- Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng ghi tại Điều 11, Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

- Căn cứ Công văn số 1737/KH-SGDĐT, ngày 23/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi về việc hướng dẫn triển khai đánh giá mức độ CDS của các cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT;

- Căn cứ công văn số 1610/SGDĐT-GDTrH ngày 26/5/2025 của Sở GD-ĐT Quảng Ngãi về việc báo cáo kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số theo Quyết định số 3806/QĐ-BGDĐT, Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT;

- Căn cứ đề nghị của Hội đồng tự đánh giá mức độ chuyển đổi số Trường THPT số 1 Đức Phổ năm học 2024-2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thực hiện chuyển đổi số Trường THPT số 1 Đức Phổ năm học 2024-2025 như sau:

Tiêu chuẩn 1: Đạt mức độ 2 với điểm số 73/100 điểm.

Tiêu chuẩn 2: Đạt mức độ 3 với điểm số 76/100 điểm.

Kết quả chung: Đạt mức độ 2.

Điều 2. Kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2024-2025 là cơ sở để nhà trường đề nghị cấp có thẩm quyền đánh giá, công nhận mức độ chuyển đổi số của trường THPT số 1 Đức Phổ năm học 2024-2025.

Điều 3. Các bộ phận, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;

- Lưu: VT.



Phạm Thanh Cước

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHUYỂN ĐỔI SỐ THEO BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Bảng chấm điểm theo các tiêu chí của quyết định 4725/QĐ-BGDĐT

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Quy định điểm	Tự chấm	Ghi chú	Mức độ đạt	Minh chứng
1	Chuyển đổi số trong dạy, học	100		73		Mức độ 2	
1.1.	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)						68/KH-ĐP1
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến						158/QĐ-ĐP1
	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến:			19			
	- Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên)		Tối đa 6 điểm	5			
1.3.	- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua). - Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: (1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học; (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh; (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên; (4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.	30	Tối đa 24 điểm, mỗi chức năng triển khai tối đa 6 điểm.	5 2 2 2 2 1		Mức độ 2	
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	10	- Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm. - Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm. - Nhiều hơn 40 học liệu: tối đa 10 điểm	6	315	Mức độ 3	https://qni-thptso1ducpho.k12online.vn/

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Quy định điểm	Tự chấm	Ghi chú	Mức độ đạt	Minh chứng
1.5.	Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính, có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)	20	Tối đa 15 điểm	10		Mức độ 2	158/QĐ-DP1 68/KH-DP1
	Tối đa 5 điểm		4				
	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số:		17				
1.6.	- Tỉ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu		< 30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; > 60%: tối đa 7 điểm	7	100%	Mức độ 3	
	- Tỉ lệ giáo viên có thẻ khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học		< 30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; > 60%: tối đa 7 điểm	5	80%		
	- Tỉ lệ giáo viên có thẻ xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử		< 30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; > 60%: tối đa 6 điểm	5	80%		
	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học:		< 20%: tối đa 2 điểm; 20%-60%: tối đa 5 điểm; > 60%: tối đa 8 điểm	7	66,7%		
	- Tỉ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học		< 20%: tối đa 2 điểm; 20%-60%: tối đa 5 điểm; > 60%: tối đa 8 điểm	6			
	- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học[1]		Mức độ 1: tối đa 2 điểm; Mức độ 2: tối đa 5 điểm; Mức độ 3: tối đa 7 điểm	4			
	- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)		Tối đa 5 điểm				
1.7.		20				Mức độ 2	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Quy định điểm	Tự chấm	Ghi chú	Mức độ đạt	Minh chứng
2	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100		76		Mức độ 3	
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)						129/QĐ-ĐP1
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số						37 /KH-ĐP1
2.3.	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê):	70		49	Smas/thuê	Mức độ 2	https://smas.edu.vn/
	- Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường		Tối đa 6 điểm	6			
	- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)		Tối đa 6 điểm	6			
	- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử		File PDF: tối đa 3 điểm; Áp dụng chứng thư số: tối đa 10 điểm	6			
	- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV		Tối đa 6 điểm	6			
	- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất		Tối đa 10 điểm	7			
	- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh		Tối đa 10 điểm	8			
	- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán		Tối đa 6 điểm	5			
	- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)		Tối đa 6 điểm	5			
	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến:	30		27			
2.4.	- Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web)		Tối đa 8 điểm	7	OneEdu	Mức độ 3	https://smas.edu.vn/
	- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến:		Tối đa 12 điểm	12			https://qlts.tsdc.edu.vn/
	- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt		Tối đa 10 điểm	8			https://quangngai.tsdc.edu.vn/ https://payment.yoyoschool.vn/

